

Bản án số: 18/2024/DS-ST
Ngày: 29 - 8 - 2024
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và ông Lê Hữu Thủy.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Nguyễn Bảo Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2024/TLST – DS ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-DS ngày 30/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân V

Địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Kim K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983.

Ông Lê Văn T, sinh năm 1978.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn M (Thôn N cũ), xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Số nhà H, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, ông K có mặt; bà H và ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2024, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân V, người đại diện là ông Lê Kim K trình bày và đề nghị:

Ngày 03/04/2017, Quỹ tín dụng nhân dân V (Viết tắt là QTD V) và bà Nguyễn Thị H ký Thỏa thuận cho vay số: 5080/TTCV. Hai bên thỏa thuận, QTD V cho vợ chồng bà H, ông T vay số tiền 60.000.000đ, hạn vay 12 tháng; mục đích vay vốn: Mua xe máy, Lãi suất: 1,2%/tháng; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (1,8%/tháng). Hình thức trả lãi: hàng tháng. Quỹ tín dụng nhân dân V đã giải ngân số tiền 60.000.000đ cho bà H. Bà H đã ký vào phiếu chi và giấy nhận nợ.

Vợ chồng bà H, ông T đã trả được tiền lãi: Ngày 15/8/2017 nộp: 2.000.000đ, ngày 02/11/2017 nộp: 1.400.000đ, ngày 30/12/2017 nộp: 3.100.000đ, ngày 28/3/2018 nộp 2.400.000đ, tổng cộng: 8.900.000 đồng.

Ngày 04/04/2018, vợ chồng bà H, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, do đó QTD V đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn kể từ ngày 04/04/2018.

Tính đến ngày 29/8/2024, bà H và ông T còn nợ QTD V số tiền gốc: 60.000.000đ

Lãi trong hạn (Từ ngày 03/4/2017 đến ngày 03/4/2018): 8.760.000đ

Lãi xuất quá hạn (Từ ngày 04/4/2018 đến ngày 29/8/2024): 84.204.000đ

Tổng cộng gốc và lãi: 152.964.000đ, số tiền lãi đã trả 8.900.000 đồng, còn nợ: 144.064.000đ.

Ngày 06/08/2024, Quỹ tín dụng nhân dân V nhận được đơn đề nghị xem xét miễn lãi tiền vay của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị H, QTD V thống nhất miễn lãi quá hạn cho ông T, bà H là: 28.068.000đ.

QTD V thu lãi 1,2%/ tháng từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm (Từ ngày 03/4/2017 đến ngày 29/8/2024) là: 60.000.000đ x 1,2%/tháng x 2.704 ngày (90 tháng 4 ngày) = 64.896.000đ, trừ tiền lãi đã trả 8.900.000đ, còn nợ lãi: 55.996.000đ.

QTD V đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn buộc bà H và ông T phải trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/8/2024 là: 115.996.000đ, trong đó tiền gốc: 60.000.000đ và lãi 55.996.000đ; bà H và ông T phải trả lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng kể từ ngày 30/8/2024 cho đến khi trả hết nợ cho QTD Vân Sơn.

2. Tại Đơn đề nghị ngày 05/8/2024, bị đơn là bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T trình bày và đề nghị: Ông bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn nhưng do hiện nay ông bà đang làm ăn tại tỉnh Bình Dương, đường xá xa xôi, kinh tế khó khăn nên không về Tòa án Triệu Sơn tham gia giải quyết vụ án được. Ông bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên tòa.

Năm 2017, ông bà có nhu cầu vay tiền của Quỹ tín dụng V. Ngày 03 tháng 4 năm 2017, bà Nguyễn Thị H ký Thỏa thuận cho vay số 5080 ngày 03 tháng 4 năm 2017 để vay Quỹ tín dụng V số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), lãi suất 1,2%/ tháng; hình thức trả lãi: Hàng tháng; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; hình thức trả gốc: Cuối kỳ vay vốn. Ông bà mới trả được số tiền lãi: 8.960.000đ, còn tiền gốc chưa trả được đồng nào. Ông bà đồng ý trả cho QTD V số tiền gốc 60.000.000đ và xin miễn giảm lãi do kinh tế khó khăn nên không có tiền để trả.

3 - Biên bản xác minh ngày 07 tháng 8 năm 2024, đại diện gia đình ông Lê Văn T và đại diện Ủy ban nhân dân xã V, huyện T cung cấp: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND xã Xuân Du, huyện Như Thanh. Bà H và ông T có hộ khẩu thường trú tại Thôn 8 (Thôn 10 cũ), xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay, ông T và bà H đang làm ăn tại tỉnh Bình Dương, thi

thoảng vẫn về nhà mẹ đẻ là bà Hà Thị Q ở Thôn 8, xã V, huyện T. Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn giao các văn bản tố tụng cho ông T và bà H, gia đình đã nhận thay và có thông báo cho ông T và bà H biết.

4 - Ý kiến của kiểm sát viên tham gia tố tụng tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý thức chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án, cung cấp tài liệu, chứng cứ, giữ gìn trật tự và tuân theo sự điều khiển của Chủ tọa phiên tòa. Bị đơn có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, HĐXX xử vắng mặt bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 463, 466, 468 BLDS; Khoản 1 và 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T trả cho QTD V số tiền gốc 60.000.000đ và lãi 55.996.000đ, tổng cộng: 115.996.000đ. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: QTD V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T thực hiện nghĩa vụ trả số tiền đã vay theo Thỏa thuận cho vay số: 5080/TTCV ngày 03/04/2017. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cùng với địa chỉ của bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T ghi trong hợp đồng tín dụng. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H ký Thỏa thuận cho vay số: 5080/TTCV. Quỹ tín dụng nhân dân Vân Sơn đã giải ngân số tiền 60.000.000đ cho bà H vay thể hiện tại phiếu chi và giấy nhận nợ có chữ ký của bà H. Ông T không ký trong hợp đồng nhưng tại thời điểm vay tiền, ông T là chồng của bà H, ông T biết và thống nhất cho bà H vay tiền của QTD V để sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Do đó, bà H và ông T cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho QTD V theo quy định tại Điều 27, khoản 1 và 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, vợ chồng bà H, ông T đã trả được số tiền lãi: Ngày 15/8/2017 nộp: 2.000.000đ, ngày 02/11/2017 nộp: 1.400.000đ, ngày 30/12/2017 nộp: 3.100.000đ, ngày 28/3/2018 nộp 2.400.000đ, tổng cộng: 8.900.000 đồng thể hiện tại phụ lục đính kèm theo Thỏa thuận cho vay

5080/TTCV ngày 03/4/2017. Ông T và bà H khai đã trả được số tiền lãi 8.960.000đ là chưa chính xác.

Khi ký kết Hợp đồng tín dụng các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên Hợp đồng có giá trị pháp lý, các bên có nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện đúng các nội dung đã cam kết trong hợp đồng.

Ngày 06/08/2024, Quỹ tín dụng nhân dân V nhận được đơn đề nghị xem xét miễn giảm tiền lãi của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị H. QTD V đồng ý miễn lãi quá hạn cho ông T, bà H với số tiền 28.068.000đ là có lợi cho bị đơn, phù hợp với Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

QTD V chỉ thu lãi 1,2%/ tháng theo mức lãi trong hạn từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm (Từ ngày 03/4/2017 đến ngày 29/8/2024) là 64.896.000đ, trừ tiền lãi đã trả 8.900.000đ, còn nợ lãi: 55.996.000đ.

QTD V đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn buộc bà H và ông T phải trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/8/2024 là: 115.996.000đ, trong đó tiền gốc: 60.000.000đ và lãi 55.996.000đ; bà H và ông T phải lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng kể từ ngày 30/8/2024 cho đến khi trả hết nợ cho QTD V là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 27, khoản 1 và 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân V số tiền gốc 60.000.000đ và lãi 55.996.000đ, tổng cộng: 115.996.000đ (*Một trăm mười lăm triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày 30/8/2024, ông T và bà H còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo thỏa thuận tín dụng đã ký.

2. Về án phí: Ông T và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 5.799.800đ (*Năm triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn tám trăm đồng*).

Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.403.000đ (*Ba triệu bốn trăm linh ba nghìn đồng*) theo biên lai số

AA/2023/0002821 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu